

Số: /TM-TTYT

Bình Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ
V/v báo giá cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu

Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên đang xây dựng kế hoạch đấu thầu mua hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác xét nghiệm năm 2025-2026 và có nhu cầu thuê đơn vị tư vấn đấu thầu để: lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Kế hoạch đấu thầu mua hóa chất, vật tư xét nghiệm của Trung tâm dự kiến có một số nội dung cơ bản theo Bảng kế hoạch đấu thầu sau:

Bảng kế hoạch đấu thầu

STT	Tên gói thầu (dự kiến)	Quy mô gói thầu (hoặc công việc chính của gói thầu)	Giá gói thầu (Dự kiến)	Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu.	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu
01	Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác xét nghiệm năm 2025-2026	Mua 95 loại hóa chất, vật tư xét nghiệm, chia làm 06 lô/phần. (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo thư mời này)	4.778.045.735 VNĐ	Đấu thầu rộng rãi, qua mạng, trong nước; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.	Quý III năm 2025	60 ngày	Trọn gói theo từng lô/phần.	365 ngày
02	Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá Hồ sơ dự thầu (E-HSDT)	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT(*)	Theo báo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III năm 2025	20 ngày	Trọn gói	70 ngày
03	Tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.	Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định KQLCNT(**)	Theo báo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III năm 2025	20 ngày	Trọn gói	60 ngày.

(*): **Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT cho gói thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác xét nghiệm năm 2025-2026.**

(**): **Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác xét nghiệm năm 2025-2026.**



Các đơn vị quan tâm và có khả năng cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu gửi báo giá thực hiện các gói thầu: Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá Hồ sơ dự thầu (E-HSDT); Tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Số thứ tự 02 và Số thứ tự 03 trong Bảng kế hoạch đấu thầu) cho Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên theo địa chỉ sau:

- Tên đơn vị yêu cầu cung cấp dịch vụ: Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên.

- Địa chỉ: Tổ dân phố Chợ Cánh, xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ.

- Điện thoại: 0978.260.919

- Thông tin người nhận báo giá: Ds Nguyễn Văn Hùng (SĐT: 0344.465.166), Khoa Dược-VT, TBYT-KSNK, Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên.

Giá báo giá đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, chi phí thực hiện

Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày 25/8/2025 đến hết ngày 29/8/2025.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT (đăng tải);
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Phan Kim Trọng



Phụ lục: Danh mục mua 95 loại hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác xét nghiệm năm 2025-2026

(Kèm theo Thư mời báo giá dịch vụ tư vấn đấu thầu số 11/TM-TTYT ngày 25/8/2025 của Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên)

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Hoá chất, vật tư thực hiện xét nghiệm sinh hoá và HbA1c (máy sinh hoá AU480 hoặc tương đương về xét nghiệm)			
1	Bilirubin Total	ml	6.373	
2	Bilirubin Direct	ml	5.883	
3	Calci	ml	3.735	
4	Albumin	ml	2.145	
5	Creatinin	ml	13.880	
6	Glucose	ml	13.710	
7	Protein T.P	ml	5.720	
8	Urê	ml	11.619	
9	Acid Uric	ml	6.006	
10	Amylase	ml	1.287	
11	AST (GOT)	ml	15.340	
12	ALT (GPT)	ml	15.340	
13	Triglycerid	ml	12.280	
14	Cholesterol	ml	12.280	
15	HDL- Cholestelol	ml	1.716	
16	LDL - Cholestelol	ml	229	
17	Gamma - GT	ml	537	
18	Iron	ml	358	
19	CK -Nac	ml	650	
20	CK-MB	ml	650	
21	CRP	ml	394	
22	CPR Calibrator	ml	22	
23	CRP Control level I	ml	29	
24	Quality Control level I	ml	479	
25	Quality Control level II	ml	215	
26	Calibrator	ml	233	
27	Nước rửa máy sinh hóa	Lít	98,5	
28	Roller tubing	cái	18	
29	Photometer Lamp	Cái	9	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
30	Sample Cúp	Cái	7.150	
31	Chất chuẩn máy	ml	26	
32	Chất kiểm tra QC	ml	78	
33	Hóa chất HbA1C	ml	2.145	
II	Hoá chất, vật tư xét nghiệm điện giải (máy CBS-400 hoặc tương đương về xét nghiệm)			
1	Calibration Packs (Reagent pack)Hóa chất điện giải 5 thông số Na/K/Cl/Ca/PH	Pack	29	
2	Dung dịch rửa(Dialy cleaning solution)	ml	215	
3	Dung dịch QC	hộp	22	
4	Dung dịch chuẩn	hộp	15	
5	Roller tubing	Cái	15	
III	Hoá chất, vật tư xét nghiệm huyết học 5 thành phần (phương pháp Laser – Máy MEK 9100 hoặc tương đương về xét nghiệm)			
1	Isotonac 3	Lít	1.888	
2	Clenac 710	Lít	46	
3	Clenac 810	ml	515	
4	Hemolynac 310	ml	10.010	
5	Hemolynac 510	ml	10.010	
6	Máu chuẩn 3DN	ml	52	
IV	Hoá chất, vật tư xét nghiệm huyết học 3 thành phần (Phương pháp điện trở- Mindray BC 1800, BC 3000 Plus hoặc tương đương về xét nghiệm)			
1	Diluen	Lít	1.300	
2	Rinse	Lít	341	
3	Lysin (Dung dịch tách bạch cầu)	ml	32.000	
4	E-Z Cleaner	ml	900	
5	Prob 18	ml	300	
6	B30 Quality control	ml	9	
7	SC-Cal Plus Calibrator	ml	5	
V	Hóa chất, vật tư xét nghiệm miễn dịch (phương pháp miễn dịch huỳnh quang - Máy Acess II hoặc tương đương về xét nghiệm)			
1	AFP	Test	390	
2	CA19-9	Test	390	
3	CEA	Test	390	
4	T3	Test	390	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5	FT4	Test	390	
6	TnI	Test	390	
7	TSH	Test	390	
8	CRP	Test	390	
9	CK-MB	Test	390	
10	Testosterone	Test	390	
11	Tumor Maker	ml	13	
12	Cardiac Control	ml	13	
13	Hormone Control	ml	13	
14	CRP control	ml	13	
15	Free T4 Control	ml	13	
16	CA19-9 Control	ml	13	
VI	Hóa chất, vật tư xét nghiệm miễn dịch (phương pháp miễn dịch hoá quang phát - máy Ichoma II hoặc tương đương về xét nghiệm)			
1	ACCESS AFP	Hộp	8	
2	ACCESS AFP CALIBRATORS	Hộp	2	
3	ACCESS CEA	Hộp	8	
4	ACCESS CEA CALIBRATORS	Hộp	2	
5	ACCESS TOTAL T3	Hộp	12	
6	ACCESS TOTAL T3 CALIBRATORS	Hộp	2	
7	ACCESS FREE T4	Hộp	12	
8	ACCESS FREE T4 CALIBRATORS	Hộp	2	
9	ACCESS TSH (3rd IS)	Hộp	6	
10	ACCESS TSH (3rd IS) CALIBRATORS	Hộp	2	
11	ACCESS hsTnI	Hộp	8	
12	ACCESS hsTnI CALIBRATORS	Hộp	2	
13	ACCESS CK-MB	Hộp	8	
14	ACCESS CK-MB CALIBRATORS	Hộp	2	
15	ACCESS TESTOSTERONE	Hộp	8	
16	ACCESS TESTOSTERONE CALIBRATORS	Hộp	2	
17	MAS Omni IMMUNE PRO	Lọ	6	
18	MAS Omni IMMUNE PRO	Lọ	6	
19	MAS Omni IMMUNE PRO	Lọ	6	

STT	Tên hoá chất, vật tư xét nghiệm hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
20	MAS CardioImmune XL	Hộp	6	
21	Access Immunoassay System Reaction Vessels	Hộp	20	
22	Access SUBSTRATE	Hộp	12	
23	CONTRAD 70	Bình	4	
24	CITRANOX	Bình	4	
25	Access WASH BUFFER II	Hộp	46	
26	ACCESS SYSTEM CHECK SOLUTION	Hộp	4	
27	SAMPLE CUP 0.5 ML	Túi	4	
28	Access 2 mL Sample Cups	Túi	4	
	Tổng: 95 khoản, chia làm 06 lô/phần			